

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Quang và ông Nguyễn Thanh Tiếp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Trực – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 08/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn L – sinh ngày 02/9/1987 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Số A, phường T, thành Phố Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Kỹ sư điện tử viễn thông; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ngoài giá thú, con bà Lê Thị T; có vợ: Nguyễn Thị Lệ H; có 02 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo có bà Hồng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số A, B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Minh H – sinh năm 1979. Có mặt

Nơi cư trú: Số K đường C, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D – sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Lệ H – sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Quốc V – sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn P, X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Minh T – sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L có quen với Nguyễn Minh H và biết H đang cần xin việc làm theo chuyên ngành đã học Điện tử - Viễn thông, nên Trần Văn L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Minh H, từ tháng 2/2014 L dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không có thật như: Trần Văn L đang làm việc tại Công ty TNHH truyền hình cáp S thành phố Đà Nẵng (Công ty S Đà Nẵng) nên có mối quan hệ quen biết với Võ Minh C đang làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng và Võ Danh K đang làm việc tại VNPT Đà Nẵng, Trần Văn L nhờ những người này xin giúp H vào làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng, Trần Văn L đưa biểu mẫu cho Nguyễn Minh H để làm thủ tục xin việc, thông báo cho Nguyễn Minh H biết đã được nhận vào làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng, khoảng một thời gian sau Trần Văn L tiếp tục đưa ra thông tin chuyển Nguyễn Minh H đến làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Quy Nhơn. Từ những thông tin do Trần Văn L tự đưa ra như đã nêu trên đã làm cho vợ chồng Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị Ngọc D tin tưởng nghĩ rằng Trần Văn L có quan hệ quen biết với những người làm ở lĩnh vực họ cần nhờ nên đã trực tiếp gặp Trần Văn L để đưa tiền mặt và nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản cho Trần Văn L. Trong thời gian từ tháng 02/2014 đến ngày 09/10/2018, Trần Văn L đã nhận của Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị Ngọc D nhiều lần với tổng số tiền là 361.000.000đồng. Trong đó số tiền đưa trực tiếp 02 lần là 28.000.000đồng; số tiền chuyển khoản là 333.000.000đồng (trong đó có 57 lần số tiền của mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000đồng).

Sau khi nhận tiền của vợ chồng Nguyễn Minh H thì Trần Văn L dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân và không có bất cứ hành vi nào thể hiện xin việc làm cho Nguyễn Minh H theo như đã thỏa thuận, hơn nữa trên thực tế thì bản thân Trần Văn L không có các mối quan hệ theo như Trần Văn L đã nêu trên và cũng không có khả năng xin việc làm cho Nguyễn Minh H.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT - VKS –ĐP ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã truy tố Trần Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử bị cáo từ 09 đến 10 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Trước khi sự việc bị phát hiện Trần Văn L đã trả lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 33.700.000 đồng, sau khi cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội Trần Văn L đã trả lại cho Nguyễn Minh H số tiền 16.300.000 đồng, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh H số tiền 60.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo và gia đình bị cáo đã trả lại cho anh H, chị D là 110.000.000 đồng, số tiền còn lại buộc bị cáo tiếp tục phải có nghĩa vụ trả cho anh H, chị D.

* Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màu đen, bên ngoài phía mặt trước có dòng chữ BlackBerry, mặt sau có dòng chữ CLASSIC, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của Ngân hàng ViettinBank, số 9704155248678171 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, số 9704366807033230024 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số 9704050773077123 mang tên Trần Văn L, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội; 01 hộ chiếu số C1971272 mang tên Trần Văn L, sinh năm 1987, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/7/2016 có giá trị đến hết ngày 11/7/2026, vì L không được phép đi ra nước ngoài.

- Đề nghị trả lại cho Trần Văn L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/5/2002; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2016, đây là giấy tờ tùy thân của L không liên quan đến vụ án.

- Đối với hành vi Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Thị Yến N, trú tại: Thành phố T, tỉnh Quảng Nam với số tiền là: 349.220.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt tài sản Hồ Hữu T, trú tại: huyện Đ, tỉnh Phú Yên với số tiền là: 160.000.000 đồng, xảy ra trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Bình Định nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ đã chuyển đơn tố giác của bà Phan Thị Yến N và ông Hồ Hữu T đến Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định để xem xét giải quyết theo thẩm quyền nên không xem xét.

- Đối với những đối tượng Nguyễn Quốc C và Nguyễn Minh T (là bạn của L), Nguyễn Thị Lệ H (vợ Trần Văn L) cho L mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch chuyển tiền qua thẻ ATM với vợ chồng Nguyễn Minh H. Tuy nhiên, khi L thực hiện hành vi phạm tội thì những người này không biết và cũng không tiêu thụ, sử dụng số tiền do Trần Văn L phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Về tội danh thống nhất theo cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục và tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo 07 năm tù và miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Trần Văn L có quen với Nguyễn Minh H và biết H đang cần xin việc làm theo chuyên ngành đã học Điện tử - Viễn thông, nên Trần Văn L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Minh H, L dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không có thật như: Trần Văn L đang làm việc tại Công ty TNHH truyền hình cáp S thành phố Đà Nẵng (Công ty S Đà Nẵng) nên có mối quan hệ quen biết với Võ Minh C đang làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng và Võ Danh K đang làm việc tại VNPT Đà Nẵng, Trần Văn L nhờ những người này xin giúp H vào làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng, Trần Văn L đưa biểu mẫu cho Nguyễn Minh H để làm thủ tục xin việc, thông báo cho Nguyễn Minh H biết đã được nhận vào làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Đà Nẵng. Sau đó Trần Văn L tiếp tục đưa ra thông tin chuyển Nguyễn Minh H đến làm việc tại Công ty cổ phần hạ tầng viễn thông M chi nhánh Quy Nhơn. Từ những thông tin trên đã làm cho vợ chồng Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị Ngọc D tin tưởng nên đã trực tiếp gặp Trần Văn L để đưa tiền mặt và nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản cho Trần Văn L. Trong thời gian từ tháng 02/2014 đến ngày 09/10/2018, Trần Văn L đã nhận của Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị Ngọc D nhiều lần với tổng số tiền là 361.000.000đồng. Trong đó số tiền đưa trực tiếp 02 lần là 28.000.000đồng; số tiền chuyển khoản là 333.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của vợ chồng Nguyễn Minh H thì Trần Văn L dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân và không có bất cứ hành vi nào thể hiện xin việc làm cho Nguyễn Minh H theo như đã thỏa thuận. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo Trần Văn L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, để có tiền tiêu xài cho cá nhân, nên L đã lợi dụng sự quen biết có hành vi gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật, làm cho vợ, chồng anh H, chị D tin tưởng là thật nên

đã giao tiền mặt và chuyển tiền qua tài khoản cho L một cách ngay thẳng. Nhưng thực tế L không có khả năng xin được việc làm và không thực hiện nghĩa vụ đi xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 361.000.000đồng, đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần phải xét xử nghiêm bị cáo với mức hình phạt tù có thời hạn nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo đã thực hiện đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Nguyễn Minh H nhiều lần, trong đó có 57 lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000đồng đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại cho người bị hại và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hiện tại bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi sự việc bị phát hiện Trần Văn L đã trả lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 33.700.000 đồng, sau khi cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội Trần Văn L đã trả lại cho Nguyễn Minh H số tiền 16.300.000đồng, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh H số tiền 60.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo và gia đình bị cáo đã trả lại cho anh H, chị D là 110.000.000đồng, số tiền còn lại buộc bị cáo tiếp tục phải có nghĩa vụ trả cho anh H, chị D.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, bên ngoài phía mặt trước có dòng chữ BlackBerry, mặt sau có dòng chữ CLASSIC, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước .

- Đối với các thẻ ATM gồm: 01 thẻ ATM của Ngân hàng ViettinBank, số 9704155248678171 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, số 9704366807033230024 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số 9704050773077123 mang tên Trần Văn L, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 hộ chiếu số C1971272 mang tên Trần Văn L, sinh năm 1987, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/7/2016 có giá trị đến hết ngày 11/7/2026, vì L không được phép đi ra nước ngoài, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/5/2002; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2016, đây là giấy tờ tùy thân nên trả lại cho Trần Văn L.

- Đối với hành vi Trần Văn L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Thị Yến N, trú tại: Thành phố T, tỉnh Quảng Nam với số tiền là: 349.220.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt tài sản Hồ Hữu T, trú tại: huyện Đ, tỉnh Phú Yên với số tiền là: 160.000.000 đồng, xảy ra trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Bình Định nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ đã chuyển đơn tố giác của bà Phan Thị Yến N và ông Hồ Hữu T đến Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định để xem xét giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

- Đối với những đối tượng Nguyễn Quốc C và Nguyễn Minh T (là bạn của L), Nguyễn Thị Lệ H (vợ Trần Văn L) cho L mượn tài khoản ngân hàng để giao dịch chuyển tiền qua thẻ ATM với vợ chồng Nguyễn Minh H. Tuy nhiên, khi L thực hiện hành vi phạm tội thì những người này không biết và cũng không tiêu thụ, sử dụng số tiền do Trần Văn L phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa có phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 251.000.000đồng cho anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Ngọc D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màu đen, bên ngoài phía mặt trước có dòng chữ BlackBerry, mặt sau có dòng chữ CLASSIC, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng ViettinBank, số 9704155248678171 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, số 9704366807033230024 mang tên Trần Văn L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số 9704050773077123 mang tên Trần Văn L, đây là phương tiện L dùng vào việc phạm tội ; 01 hộ chiếu số C1971272 mang tên Trần Văn L, sinh năm 1987, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/7/2016 có giá trị đến hết ngày 11/7/2026, vì L không được phép đi ra nước ngoài.

- Tuyên trả lại cho Trần Văn L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/5/2002; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 212238406, mang tên Trần Văn L, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/3/2016, đây là giấy tờ tùy thân của L.

Tài sản tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước, tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày ngày 18/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn